

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u>                                     | <u>TRANG</u> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                       | 1 – 2        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 3            |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                                | 4 – 5        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH                | 6            |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ                          | 7 – 8        |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT              | 9 – 30       |



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

|                       |              |
|-----------------------|--------------|
| Ông Trịnh Xuân Vương  | Chủ tịch     |
| Ông Nguyễn Chí Linh   | Phó Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Đăng Thoại | Thành viên   |
| Ông Lê Minh Điềm      | Thành viên   |
| Ông Trương Đức Vọng   | Thành viên   |
| Ông Ngô Tấn Long      | Thành viên   |

#### **Ban Tổng Giám đốc**

|                       |  |
|-----------------------|--|
| Ông Nguyễn Chí Linh   | Tổng Giám đốc  |
| Bà Lê Thị Thủy Anh    | Phó Tổng Giám đốc  |
| Ông Nguyễn Đăng Thoại | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2014) |

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.





**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2014

125  
HI N°  
DUNK  
YKH  
ELC  
TIET  
- TP.



Số: 124 /VNIA-HC- BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15 tháng 8 năm 2014 từ trang 4 đến trang 30. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ

Phó Tổng Giám đốc

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải

Kiểm toán viên

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1503-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU B 01-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2014             |  | 31/12/2013             |  |
|---|------------|-------------|------------------------|--|------------------------|--|
|   |            |             |                        |  |                        |  |
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b><br>(100=110+130+140+150) | <b>100</b> |             | <b>305.066.986.666</b> |  | <b>301.792.323.296</b> |  |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>23.011.172.534</b>  |  | <b>27.816.134.180</b>  |  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 18.011.172.534         |  | 13.816.134.180         |  |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 5.000.000.000          |  | 14.000.000.000         |  |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>90.058.502.500</b>  |  | <b>78.372.834.534</b>  |  |
| 1. Phải thu khách hàng                              | 131        |             | 76.828.882.819         |  | 69.745.262.668         |  |
| 2. Trả trước cho người bán                          | 132        |             | 13.368.567.240         |  | 8.965.246.760          |  |
| 5. Các khoản phải thu khác                          | 135        |             | 412.339.037            |  | 213.611.702            |  |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 139        |             | (551.286.596)          |  | (551.286.596)          |  |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> | <b>5</b>    | <b>186.650.025.773</b> |  | <b>192.481.097.665</b> |  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        |             | 186.650.025.773        |  | 192.481.097.665        |  |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>5.347.285.859</b>   |  | <b>3.122.256.917</b>   |  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |             | 1.836.908.572          |  | 560.451.000            |  |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 2.458.721.121          |  | 2.144.259.980          |  |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 154        |             | 40.377.851             |  | 24.929.372             |  |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 158        | <b>6</b>    | 1.011.278.315          |  | 392.616.565            |  |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b><br>(200 = 220+250+260)    | <b>200</b> |             | <b>231.017.628.035</b> |  | <b>236.679.803.535</b> |  |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                          | <b>220</b> |             | <b>202.297.046.722</b> |  | <b>207.868.760.335</b> |  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                         | 221        | <b>7</b>    | 180.417.494.209        |  | 189.144.565.992        |  |
| - Nguyên giá  | 222        |             | 314.296.861.480        |  | 310.734.842.958        |  |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                            | 223        |             | (133.879.367.271)      |  | (121.590.276.966)      |  |
| 3. Tài sản cố định vô hình                          | 227        | <b>8</b>    | 19.745.404.132         |  | 18.696.921.616         |  |
| - Nguyên giá  | 228        |             | 21.071.968.802         |  | 19.766.968.802         |  |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                            | 229        |             | (1.326.564.670)        |  | (1.070.047.186)        |  |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                  | 230        |             | 2.134.148.381          |  | 27.272.727             |  |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>       | <b>250</b> |             | <b>27.233.502.270</b>  |  | <b>27.130.194.627</b>  |  |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh          | 252        | <b>9</b>    | 6.256.092.240          |  | 6.660.694.627          |  |
| 3. Đầu tư dài hạn khác                              | 258        | <b>10</b>   | 25.365.000.000         |  | 25.365.000.000         |  |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn       | 259        | <b>11</b>   | (4.387.589.970)        |  | (4.895.500.000)        |  |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                      | <b>260</b> |             | <b>1.487.079.043</b>   |  | <b>1.680.848.573</b>   |  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                        | 261        |             | 196.748.156            |  | 316.865.336            |  |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                   | 262        | <b>12</b>   | 1.263.330.887          |  | 1.336.983.237          |  |
| 3. Tài sản dài hạn khác                             | 268        |             | 27.000.000             |  | 27.000.000             |  |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>          | <b>270</b> |             | <b>536.084.614.701</b> |  | <b>538.472.126.831</b> |  |

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU B 01-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                     | Mã<br>số   | Thuyết<br>minh | 30/06/2014             | 31/12/2013             |
|---|------------|----------------|------------------------|------------------------|
|   |            |                |                        |                        |
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>           | <b>300</b> |                | <b>145.205.806.638</b> | <b>176.018.955.466</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>310</b> |                | <b>140.251.268.637</b> | <b>170.914.646.340</b> |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                         | 311        | 13             | 52.715.574.980         | 71.390.862.623         |
| 2. Phải trả người bán                         | 312        |                | 31.650.234.242         | 33.401.403.929         |
| 3. Người mua trả tiền trước                   | 313        |                | 316.670.077            | 27.278.904             |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 314        | 14             | 5.193.469.520          | 14.540.279.183         |
| 5. Phải trả người lao động                    | 315        |                | 23.644.595.466         | 21.867.754.901         |
| 6. Chi phí phải trả                           | 316        | 15             | 15.828.670.368         | 1.184.449.061          |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319        | 16             | 2.599.651.083          | 15.474.458.978         |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                 | 323        | 17             | 8.302.402.901          | 13.028.158.761         |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                         | <b>330</b> |                | <b>4.954.538.001</b>   | <b>5.104.309.126</b>   |
| 3. Phải trả dài hạn khác                      | 333        |                | 170.000.000            | 132.600.000            |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn                  | 337        |                | 4.784.538.001          | 4.971.709.126          |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>            | <b>400</b> |                | <b>390.878.808.063</b> | <b>362.453.171.365</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>410</b> | <b>18</b>      | <b>390.878.808.063</b> | <b>362.453.171.365</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                  | 411        |                | 128.568.600.000        | 128.568.600.000        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                       | 412        |                | 72.468.790.783         | 72.468.790.783         |
| 4. Cổ phiếu quỹ                               | 414        |                | (1.003.000.000)        | -                      |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển                      | 417        |                | 118.834.039.755        | 118.834.039.755        |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính                     | 418        |                | 12.856.860.000         | 12.856.860.000         |
| 10. Lợi nhuận chưa phân phối                  | 420        |                | 59.153.517.525         | 29.724.880.827         |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN<br/>(440=300+400)</b>  | <b>440</b> |                | <b>536.084.614.701</b> | <b>538.472.126.831</b> |

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại  
- Đô la Mỹ ("USD")

|  | 30/06/2014 | 31/12/2013 |
|--|------------|------------|
|  | 8.143      | 80.009     |

*ba*

*DM*



Hồ Thị Hải Vân  
Người lập

Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 8 năm 2014



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 02-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 |
|---|-------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                           | 01    | 20          | 335.897.829.089              | 276.501.655.290              |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                     | 02    |             | 351.234.350                  | 302.646.991                  |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)       | 10    |             | 335.546.594.739              | 276.199.008.299              |
| 4. Giá vốn hàng bán   | 11    | 21          | 163.975.982.011              | 134.973.518.431              |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)         | 20    |             | 171.570.612.728              | 141.225.489.868              |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                    | 21    | 23          | 693.825.436                  | 721.080.314                  |
| 7. Chi phí tài chính  | 22    | 24          | 2.954.888.049                | 3.551.871.170                |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                                    | 23    |             | 1.802.965.648                | 3.746.214.436                |
| 8. Chi phí bán hàng   | 24    |             | 98.440.045.227               | 72.749.366.701               |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                     | 25    |             | 25.289.381.042               | 20.616.133.636               |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30    |             | 45.580.123.846               | 45.029.198.675               |
| 11. Thu nhập khác   | 31    |             | 1.456.190.283                | 312.414.592                  |
| 12. Chi phí khác  | 32    |             | 281.333.318                  | 55.407.187                   |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32)                                       | 40    |             | 1.174.856.965                | 257.007.405                  |
| 14. Lợi nhuận từ hoạt động liên kết, liên doanh                     | 45    |             | 6.092.240                    | 399.136.300                  |
| 15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)                              | 50    |             | 46.761.073.051               | 45.685.342.380               |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                    | 51    | 25          | 10.918.854.003               | 11.658.592.534               |
| 17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại                                  | 52    | 12          | 73.652.350                   | 2.808.827                    |
| 18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)                                | 60    |             | 35.768.566.698               | 34.023.941.019               |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 70    | 26          | 2.790                        | 2.650                        |

*baui*  
\_\_\_\_\_  
Hò Thị Hải Vân  
Người lập

*ĐM*  
\_\_\_\_\_  
Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng



*thuan*  
\_\_\_\_\_  
Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 8 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU B 03-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 |
|---|-----------|------------------------------|------------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                       |           |                              |                              |
| <i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>  | <i>01</i> | <i>46.761.073.051</i>        | <i>45.685.342.380</i>        |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>                                     |           |                              |                              |
| Khấu hao tài sản cố định  | 02        | 12.545.607.789               | 12.479.466.190               |
| Các khoản dự phòng  | 03        | (507.910.030)                | (286.443.958)                |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                           | 04        | 343.249.495                  | 79.698.596                   |
| Lãi từ hoạt động đầu tư   | 05        | (699.917.676)                | (1.865.070.156)              |
| Chi phí lãi vay   | 06        | 1.802.965.648                | 3.746.214.436                |
| <i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i> | <i>08</i> | <i>60.245.068.277</i>        | <i>59.839.207.488</i>        |
| Tăng các khoản phải thu   | 09        | (12.081.724.786)             | (15.511.070.526)             |
| Giảm/(Tăng) hàng tồn kho  | 10        | 5.831.071.892                | (12.707.769.515)             |
| Tăng các khoản phải trả   | 11        | 14.255.466.209               | 8.669.592.611                |
| Tăng chi phí trả trước  | 12        | (1.156.340.392)              | (1.729.178.644)              |
| Tiền lãi vay đã trả   | 13        | (1.908.372.579)              | (3.552.358.629)              |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                       | 14        | (19.807.219.777)             | (14.408.073.920)             |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                   | 15        | 52.400.000                   | 2.169.947.324                |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                  | 16        | (4.898.306.610)              | (6.528.940.612)              |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>                    | <i>20</i> | <i>40.532.042.234</i>        | <i>16.241.355.577</i>        |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                          |           |                              |                              |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định                           | 21        | (7.364.154.976)              | (9.662.708.326)              |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                     | 22        | -                            | 31.297.500                   |
| 7. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia                      | 27        | 1.104.520.063                | 873.144.072                  |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>                        | <i>30</i> | <i>(6.259.634.913)</i>       | <i>(8.758.266.754)</i>       |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                      |           |                              |                              |
| 2. Tiền chi mua cổ phiếu quỹ  | 32        | (1.003.000.000)              | -                            |
| 3. Tiền vay ngắn hạn nhận được  | 33        | 75.934.906.953               | 76.991.262.822               |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay  | 34        | (94.885.323.182)             | (72.137.669.850)             |
| 6. Cổ tức đã trả cho cổ đông  | 36        | (19.124.905.700)             | (15.316.083.800)             |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>                     | <i>40</i> | <i>(39.078.321.929)</i>      | <i>(10.462.490.828)</i>      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>                     | <b>50</b> | <b>(4.805.914.608)</b>       | <b>(2.979.402.005)</b>       |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>                        | <b>60</b> | <b>27.816.134.180</b>        | <b>26.747.448.421</b>        |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ                          | 61        | 952.962                      | 7.071.794                    |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>         | <b>70</b> | <b>23.011.172.534</b>        | <b>23.775.118.210</b>        |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 110.479.200 đồng (tại ngày 30 tháng 6 năm 2013: 280.426.000 đồng) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng các khoản phải trả.

Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong kỳ không bao gồm số tiền 757.416.350 đồng là cổ tức của các năm nhưng cổ đông chưa nhận đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tại ngày 30 tháng 6 năm 2013: 592.138.800 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng các khoản phải trả.



Hồ Thị Hải Vân  
Người lập



Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2014



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty bao gồm Công ty mẹ và một Công ty con, cụ thể như sau:

**Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là "Công ty mẹ") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 26 (là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam - Bộ Y Tế có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 102652 do Trọng tài kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993) theo Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, Công ty mẹ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hiện nay, Công ty mẹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12, số 0302560110 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 6 năm 2012.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 10 năm 2008 với mã chứng khoán là OPC.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam. Nhà máy của Công ty mẹ đặt tại số 09/ĐX 04 - TH, Tô 7, Ấp Tân Hoá, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty mẹ là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

**Công ty con**

Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty con") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4604000067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 6 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700806295 ngày 16 tháng 12 năm 2008.

Nhà máy của Công ty con đặt tại Ấp Tân Hoá, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam.

**Hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con là trồng cây dược liệu, sản xuất thực phẩm chức năng, sản xuất rượu mạnh, mỹ phẩm, sản xuất hóa dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty con là 15.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 100% quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 738 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 722 người).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có các Công ty liên kết và liên doanh như sau:

| Tên Công ty   | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu% | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ % | Hoạt động chính  |
|---|----------------------------|--------------------|----------------------------------|--|
| <b>Công ty liên kết:</b>  |                            |                    |                                  |  |
| Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang  | Tỉnh Bắc Giang             | 40%                | 40%                              | Khai thác, mua bán, nuôi trồng cây dược liệu, sản xuất cao dược liệu và các sản phẩm chức năng |
| <b>Liên doanh:</b>  |                            |                    |                                  |  |
| Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiện Kiểu - Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc | Tỉnh Bình Dương            | 50%                | 50%                              | Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thuốc trị sỏi rết CV ARTECAN và các sản phẩm đồng dược khác      |

a. Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang

Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang (gọi tắt là "OPC Bắc Giang") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 24004498591 ngày 19 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của OPC Bắc Giang, Công ty nắm giữ 40% vốn điều lệ của OPC Bắc Giang.

b. Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiện Kiểu - Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc

Thể hiện khoản vốn góp tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Kiện Kiểu ký ngày 24 tháng 4 năm 2012 với thời hạn hoạt động là 10 năm tương ứng với thời gian hoạt động trên giấy phép đầu tư. Theo hợp đồng, mỗi bên sẽ góp 50% vốn và lợi nhuận thuần của quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được chia cho hai bên theo tỷ lệ góp vốn.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên doanh được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên doanh.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay ngắn hạn.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

|                          |         |
|--------------------------|---------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc, thiết bị        | 03 - 10 |
| Phương tiện vận tải      | 03 - 10 |
| Thiết bị văn phòng       | 03 - 08 |

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian năm năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ, chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí đầu tư thuê mặt bằng và chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí đầu tư thuê mặt bằng được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được hạch toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả, phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                            | 30/06/2014                   | 31/12/2013                   |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                            | <u>VND</u>                   | <u>VND</u>                   |
| Tiền mặt                   | 2.461.315.426                | 2.811.188.595                |
| Tiền gửi ngân hàng         | 15.549.857.108               | 11.004.945.585               |
| Các khoản tương đương tiền | 5.000.000.000                | 14.000.000.000               |
|                            | <u><b>23.011.172.534</b></u> | <u><b>27.816.134.180</b></u> |

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 thể hiện tiền gửi có kỳ hạn trong vòng một tháng tại ngân hàng với lãi suất 5,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 7%/năm).

**5. HÀNG TỒN KHO**

|                                      | 30/06/2014                    | 31/12/2013                    |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|                                      | <u>VND</u>                    | <u>VND</u>                    |
| Hàng mua đang đi đường               | 6.900.298.580                 | -                             |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 109.256.435.822               | 102.702.796.307               |
| Công cụ, dụng cụ                     | 346.788.616                   | 347.648.326                   |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.110.451.556                 | 3.471.258.021                 |
| Thành phẩm                           | 65.868.865.234                | 85.069.735.253                |
| Hàng hóa                             | 1.167.185.965                 | 889.659.758                   |
|                                      | <u><b>186.650.025.773</b></u> | <u><b>192.481.097.665</b></u> |

**6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

|                          | 30/06/2014                  | 31/12/2013                |
|--------------------------|-----------------------------|---------------------------|
|                          | <u>VND</u>                  | <u>VND</u>                |
| Tạm ứng cho nhân viên    | 616.759.000                 | 155.648.000               |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 394.519.315                 | 236.968.565               |
|                          | <u><b>1.011.278.315</b></u> | <u><b>392.616.565</b></u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                        | Nhà xưởng,<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc,<br>thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận tải<br>VND | Thiết bị<br>văn phòng<br>VND | Tổng<br>VND     |
|------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>      |                                    |                             |                               |                              |                 |
| Tại ngày 01/01/2014    | 174.660.975.024                    | 115.752.340.887             | 17.509.058.014                | 2.812.469.033                | 310.734.842.958 |
| Tăng trong kỳ          | 1.571.525.000                      | 488.450.160                 | 1.502.043.362                 | -                            | 3.562.018.522   |
| Tại ngày 30/06/2014    | 176.232.500.024                    | 116.240.791.047             | 19.011.101.376                | 2.812.469.033                | 314.296.861.480 |
| <b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b> |                                    |                             |                               |                              |                 |
| Tại ngày 01/01/2014    | 44.671.277.305                     | 66.465.001.144              | 8.097.316.646                 | 2.356.681.871                | 121.590.276.966 |
| Khấu hao trong kỳ      | 4.419.880.659                      | 6.586.826.283               | 1.172.395.546                 | 109.987.817                  | 12.289.090.305  |
| Tại ngày 30/06/2014    | 49.091.157.964                     | 73.051.827.427              | 9.269.712.192                 | 2.466.669.688                | 133.879.367.271 |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b> |                                    |                             |                               |                              |                 |
| Tại ngày 01/01/2014    | 129.989.697.719                    | 49.287.339.743              | 9.411.741.368                 | 455.787.162                  | 189.144.565.992 |
| Tại ngày 30/06/2014    | 127.141.342.060                    | 43.188.963.620              | 9.741.389.184                 | 345.799.345                  | 180.417.494.209 |

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp nhà tại Chi nhánh với tổng giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 7.875.352.607 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 32.223.798.759 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 59.222.396.802 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 56.514.624.617 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                               | Quyền sử<br>dụng đất<br>VND | Phần mềm<br>máy tính<br>VND | Tổng<br>VND    |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                             |                             |                |
| Tại ngày 01/01/2014           | 18.476.333.802              | 1.290.635.000               | 19.766.968.802 |
| Tăng trong kỳ                 | 1.305.000.000               | -                           | 1.305.000.000  |
| Tại ngày 30/06/2014           | 19.781.333.802              | 1.290.635.000               | 21.071.968.802 |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                             |                             |                |
| Tại ngày 01/01/2014           | 832.910.298                 | 237.136.888                 | 1.070.047.186  |
| Khấu hao trong kỳ             | 127.453.986                 | 129.063.498                 | 256.517.484    |
| Tại ngày 30/06/2014           | 960.364.284                 | 366.200.386                 | 1.326.564.670  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                             |                             |                |
| Tại ngày 01/01/2014           | 17.643.423.504              | 1.053.498.112               | 18.696.921.616 |
| Tại ngày 30/06/2014           | 18.820.969.518              | 924.434.614                 | 19.745.404.132 |

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.868.400.000 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ ngân hàng.

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

|  | 30/06/2014<br>VND    | 31/12/2013<br>VND    |
|--|----------------------|----------------------|
| <b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>   | <b>6.250.000.000</b> | <b>6.250.000.000</b> |
| <i>Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang</i>  | 6.000.000.000        | 6.000.000.000        |
| <i>Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiên Kiều – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc</i> | 250.000.000          | 250.000.000          |
| <b>Phần lợi nhuận chưa được chia</b>   |                      |                      |
| <i>Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang</i>  | 6.092.240            | 410.694.627          |
|  | <b>6.256.092.240</b> | <b>6.660.694.627</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Chi tiết khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

|  | 30/06/2014          |                       | 31/12/2013          |                       |
|--|---------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|
|  | Số lượng<br>cổ phần | VND                   | Số lượng<br>cổ phần | VND                   |
| Quỹ Đầu tư chứng khoán<br>Con Hồ Việt Nam                  | 1.000.000           | 10.100.000.000        | 1.000.000           | 10.100.000.000        |
| Quỹ Đầu tư chứng khoán<br>Hà Nội                           | 5.000               | 5.075.000.000         | 5.000               | 5.075.000.000         |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm<br>Trung ương Vidipha            | 144.000             | 3.800.000.000         | 144.000             | 3.800.000.000         |
| Công ty Cổ phần Dược Hà<br>Tĩnh                            | 225.000             | 2.750.000.000         | 225.000             | 2.750.000.000         |
| Công ty Cổ phần Bao bì Dược                                | 100.000             | 1.500.000.000         | 100.000             | 1.500.000.000         |
| Công ty Cổ phần Hóa dược<br>Việt Nam                       | 50.000              | 1.250.000.000         | 50.000              | 1.250.000.000         |
| Công ty Cổ phần Vật tư Y tế<br>Dược Thái Bình              | 7.000               | 790.000.000           | 7.000               | 790.000.000           |
| Công ty Cổ phần Dược & Thiết<br>bị vật tư y tế Tuyên Quang | 10.000              | 100.000.000           | 10.000              | 100.000.000           |
|  |                     | <b>25.365.000.000</b> |                     | <b>25.365.000.000</b> |

**11. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

|  | 30/06/2014             | 31/12/2013             |
|--|------------------------|------------------------|
|  | VND                    | VND                    |
| Quỹ Đầu tư chứng khoán Con Hồ Việt Nam | (3.135.089.970)        | (3.643.000.000)        |
| Quỹ Đầu tư chứng khoán Hà Nội          | (1.252.500.000)        | (1.252.500.000)        |
|  | <b>(4.387.589.970)</b> | <b>(4.895.500.000)</b> |

**12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ này và năm trước:

|                                 | Dự phòng<br>phải trả dài hạn | Lợi nhuận<br>chưa thực hiện | Lãi chênh<br>lệch tỷ giá<br>chưa thực<br>hiện | Tổng                 |
|---------------------------------|------------------------------|-----------------------------|---|----------------------|
|                                 | VND                          | VND                         | VND   | VND                  |
| Tại ngày 01/01/2013             | 1.296.646.313                | 30.348.083                  | (303.836)                                     | 1.326.690.560        |
| Ghi tăng lợi nhuận<br>trong năm | (53.719.031)                 | 64.460.842                  | (449.134)                                     | 10.292.677           |
| Tại ngày 31/12/2013             | 1.242.927.282                | 94.808.925                  | (752.970)                                     | 1.336.983.237        |
| Ghi giảm lợi nhuận<br>trong kỳ  | (190.328.922)                | 115.923.602                 | 752.970                                       | (73.652.350)         |
| Tại ngày 30/06/2014             | <b>1.052.598.360</b>         | <b>210.732.527</b>          | <b>-</b>                                      | <b>1.263.330.887</b> |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

|   | 30/06/2014            | 31/12/2013            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh   | 15.633.539.068        | 29.284.611.656        |
| - Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh   | 14.037.316.950        | 12.688.631.713        |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn | 13.841.533.212        | 7.421.846.400         |
| - Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)   | 5.793.185.750         | 19.995.772.854        |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Bình Tây                                | 3.410.000.000         | 2.000.000.000         |
|   | <b>52.715.574.980</b> | <b>71.390.862.623</b> |

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2013, Công ty mẹ ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 và được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất cơ bản cộng 3,5%/năm. Công ty mẹ đã sử dụng hàng tồn kho trị giá 50.000.000.000 đồng để thế chấp cho khoản vay này.

Vào ngày 26 tháng 9 năm 2013, Công ty con ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 26 tháng 9 năm 2014 và được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và thương mại dược phẩm và hóa dược. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay chịu lãi suất bằng (i) lãi suất cơ bản Đô la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam cộng 4%/năm hoặc (ii) mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất nếu (i) thấp hơn (ii). Công ty con đã sử dụng hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 14.047.589.546 đồng để thế chấp cho khoản vay này.

Vào ngày 23 tháng 01 năm 2013, Công ty mẹ ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng 1.000.000 Đô la Mỹ. Vào ngày 22 tháng 01 năm 2014, Công ty mẹ ký kết thỏa thuận sửa đổi hợp đồng tín dụng nêu trên và theo nội dung sửa đổi thì khoản tín dụng này được nâng hạn mức lên 1.500.000 Đô la Mỹ và có hiệu lực đến ngày 22 tháng 01 năm 2015. Khoản vay này được cấp với mục đích tài trợ vốn lưu động và mở thư tín dụng. Khoản vay chịu lãi suất bằng chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng 1,65%/năm. Công ty mẹ đã sử dụng hàng tồn kho trị giá 1.000.000 Đô la Mỹ và khoản phải thu trị giá 500.000 Đô la Mỹ để thế chấp cho khoản vay này.

Vào ngày 30 tháng 01 năm 2013, Công ty mẹ ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với hạn mức tín dụng là 2.000.000 Đô la Mỹ. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 29 tháng 4 năm 2015 và được cấp với mục đích tài trợ vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất cơ bản Đô la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam của thời hạn tương ứng cộng 1,5%/năm. Công ty mẹ đã sử dụng hàng tồn kho trị giá 2.000.000 Đô la Mỹ và quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 8).



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Vào ngày 02 tháng 12 năm 2011, Công ty mẹ ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng và đã tăng lên thành 30.000.000.000 đồng theo phụ lục hợp đồng tín dụng ký kết vào ngày 30 tháng 10 năm 2012. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 02 tháng 12 năm 2015 và được cấp với mục đích tài trợ vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất áp dụng theo hình thức lãi suất thả nổi, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tại từng lần nhận nợ được quy định trên từng giấy nhận nợ hoặc hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ và bảng kê rút vốn. Công ty mẹ đã thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số 7) và quyền sử dụng đất (xem Thuyết minh số 8) cho khoản vay này.

Vào ngày 13 tháng 02 năm 2014, Công ty con ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Tây với hạn mức tín dụng là 4.000.000.000 đồng. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 13 tháng 02 năm 2015. Khoản vay được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động để sản xuất kinh doanh sản phẩm ngành dược. Khoản vay chịu lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể và tài sản đảm bảo là Chứng thư bảo lãnh của Công ty mẹ và hàng tồn kho bình quân thuộc sở hữu của Công ty con trị giá 6.000.000.000 đồng.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                            | 30/06/2014                  | 31/12/2013                   |
|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                            | <u>VND</u>                  | <u>VND</u>                   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.805.970.138               | 13.694.335.912               |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 387.037.582                 | 830.035.404                  |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt     | 461.800                     | 15.907.867                   |
|                            | <u><b>5.193.469.520</b></u> | <u><b>14.540.279.183</b></u> |

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

|                               | 30/06/2014                   | 31/12/2013                  |
|-------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
|                               | <u>VND</u>                   | <u>VND</u>                  |
| Chi phí khuyến mãi, quảng cáo | 14.016.641.727               | -                           |
| Chi phí nhượng quyền          | 603.534.827                  | 500.970.000                 |
| Chiết khấu thanh toán         | 534.279.474                  | -                           |
| Chi phí điện sản xuất         | 235.275.100                  | 154.685.100                 |
| Chi phí lãi vay               | 38.820.581                   | 144.227.512                 |
| Khác                          | 400.118.659                  | 384.566.449                 |
|                               | <u><b>15.828.670.368</b></u> | <u><b>1.184.449.061</b></u> |

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

|                    | 30/06/2014                  | 31/12/2013                   |
|--------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                    | <u>VND</u>                  | <u>VND</u>                   |
| Kinh phí công đoàn | 1.829.564.947               | 1.892.559.790                |
| Bảo hiểm xã hội    | 11.723.999                  | 29.507.138                   |
| Cổ tức             | 757.416.350                 | 13.542.392.050               |
| Phải trả khác      | 945.787                     | 10.000.000                   |
|                    | <u><b>2.599.651.083</b></u> | <u><b>15.474.458.978</b></u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

|                                | Từ 01/01/2014<br>đến 30/06/2014<br>VND | Từ 01/01/2013<br>đến 31/12/2013<br>VND |
|--------------------------------|--|--|
| Số dư đầu kỳ/năm               | 13.028.158.761                         | 12.311.264.904                         |
| Trích lập từ lợi nhuận giữ lại | -                                      | 5.693.037.000                          |
| Sử dụng quỹ                    | (4.725.755.860)                        | (4.976.143.143)                        |
| <b>Số dư cuối kỳ/năm</b>       | <b>8.302.402.901</b>                   | <b>13.028.158.761</b>                  |

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

|   | 30/06/2014 | 31/12/2013 |
|---|------------|------------|
| Số lượng cổ phần được phép phát hành      | 12.856.860 | 12.856.860 |
| Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 12.856.860 | 12.856.860 |
| Số lượng cổ phiếu quỹ                     | 59.000     | -          |
| Số lượng cổ phần đang lưu hành            | 12.797.860 | -          |
| Mệnh giá cổ phần (đồng)                   | 10.000     | 10.000     |

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

|                                      | Số lượng cổ phần và tỷ lệ nắm giữ tại ngày 30/06/2014 và 31/12/2013 |            | Vốn đã góp tại ngày 30/06/2014 và 31/12/2013<br>VND |
|--------------------------------------|---|------------|---|
|                                      | Cổ phần   | %          |   |
| Cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Dược | 2.375.100   | 18,47      | 23.751.000.000                                      |
| Cổ đông khác                         | 10.481.760  | 81,53      | 104.817.600.000                                     |
|                                      | <b>12.856.860</b>   | <b>100</b> | <b>128.568.600.000</b>                              |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MÃU B 09-DN/HN**

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm/kỳ như sau:

|                                   | Vốn đầu tư<br>của chủ sở hữu<br>VND | Thặng dư<br>vốn cổ phần<br>VND | Cổ phiếu<br>quỹ<br>VND | Quỹ đầu tư và<br>phát triển<br>VND | Quỹ dự phòng<br>tài chính<br>VND | Lợi nhuận<br>chưa phân phối<br>VND | Tổng<br>VND            |
|-----------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|------------------------|------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2013               | 128.568.600.000                     | 72.468.790.783                 | -                      | 110.236.817.755                    | 12.777.320.000                   | 16.125.494.143                     | 340.177.022.681        |
| Lợi nhuận trong năm               | -                                   | -                              | -                      | -                                  | -                                | 56.255.874.852                     | 56.255.874.852         |
| Chia lợi nhuận cho liên doanh     | -                                   | -                              | -                      | -                                  | -                                | (1.597.168)                        | (1.597.168)            |
| Phân phối quỹ                     | -                                   | -                              | -                      | 8.597.222.000                      | 79.540.000                       | (8.676.762.000)                    | -                      |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi   | -                                   | -                              | -                      | -                                  | -                                | (5.693.037.000)                    | (5.693.037.000)        |
| Chia bổ sung cổ tức năm 2012      | -                                   | -                              | -                      | -                                  | -                                | (2.571.372.000)                    | (2.571.372.000)        |
| Chia cổ tức đợt 1 năm 2013        | -                                   | -                              | -                      | -                                  | -                                | (12.856.860.000)                   | (12.856.860.000)       |
| Tạm trích cổ tức đợt 2 năm 2013   | -                                   | -                              | -                      | -                                  | -                                | (12.856.860.000)                   | (12.856.860.000)       |
| <b>Tại ngày 31/12/2013</b>        | <b>128.568.600.000</b>              | <b>72.468.790.783</b>          | <b>-</b>               | <b>118.834.039.755</b>             | <b>12.856.860.000</b>            | <b>29.724.880.827</b>              | <b>362.453.171.365</b> |
| Lợi nhuận trong kỳ                | -                                   | -                              | -                      | -                                  | -                                | 35.768.566.698                     | 35.768.566.698         |
| Mua cổ phiếu quỹ                  | -                                   | -                              | (1.003.000.000)        | -                                  | -                                | -                                  | (1.003.000.000)        |
| Chia thêm cổ tức năm 2013         | -                                   | -                              | -                      | -                                  | -                                | (6.398.930.000)                    | (6.398.930.000)        |
| Hoàn nhập cổ tức của cổ phiếu quỹ | -                                   | -                              | -                      | -                                  | -                                | 59.000.000                         | 59.000.000             |
| <b>Tại ngày 30/06/2014</b>        | <b>128.568.600.000</b>              | <b>72.468.790.783</b>          | <b>(1.003.000.000)</b> | <b>118.834.039.755</b>             | <b>12.856.860.000</b>            | <b>50.153.517.525</b>              | <b>390.878.808.063</b> |

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 327/NQ-DHDCĐ thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 với số tiền là 32.142.150.000 đồng tương ứng với 25% vốn cổ phần của Công ty. Theo đó, Công ty đã trích thêm số tiền là 6.398.930.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 trong năm 2014 (số cổ tức tạm trích và chi trả trong năm 2013 là 25.713.720.000 đồng) để tiến hành việc chi trả cổ tức như nêu trên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 181/NQ-HDQT ngày 24 tháng 02 năm 2014 về việc thông qua phương án mua lại 50.000 cổ phiếu quỹ của chương trình ESOP OPC trong năm 2012, Công ty đã gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Công văn số 196/HĐQT-OPC ngày 28 tháng 2 năm 2014 công bố thông tin giao dịch 50.000 cổ phiếu quỹ. Sau đó, Công ty đã mua lại thành công 50.000 cổ phiếu quỹ với giá mua 17.000 đồng/cổ phiếu.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 212/NQ-HDQT ngày 06 tháng 03 năm 2014 về việc thông qua phương án mua lại 9.000 cổ phiếu quỹ của chương trình ESOP OPC 2012, Công ty đã gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Công văn số 242/HĐQT-OPC ngày 13 tháng 03 năm 2014 công bố thông tin giao dịch 9.000 cổ phiếu quỹ. Sau đó, Công ty đã mua lại thành công 9.000 cổ phiếu quỹ với giá mua 17.000 đồng/cổ phiếu.

**19. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận theo cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là ngành dược phẩm và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                          | Từ 01/01/2014<br>đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013<br>đến 30/06/2013 |
|--------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                          | <u>VND</u>                      | <u>VND</u>                      |
| Doanh thu bán thành phẩm | 328.571.529.416                 | 273.977.383.315                 |
| Doanh thu bán hàng hóa   | 7.324.904.111                   | 2.524.271.975                   |
| Doanh thu dịch vụ        | 1.395.562                       | -                               |
|                          | <u><b>335.897.829.089</b></u>   | <u><b>276.501.655.290</b></u>   |

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                        | Từ 01/01/2014<br>đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013<br>đến 30/06/2013 |
|------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                        | <u>VND</u>                      | <u>VND</u>                      |
| Giá vốn bán thành phẩm | 157.131.393.527                 | 132.630.244.313                 |
| Giá vốn bán hàng hóa   | 6.844.588.484                   | 2.343.274.118                   |
|                        | <u><b>163.975.982.011</b></u>   | <u><b>134.973.518.431</b></u>   |

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | Từ 01/01/2014<br>đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013<br>đến 30/06/2013 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                                  | <u>VND</u>                      | <u>VND</u>                      |
| Chi phí nguyên vật liệu          | 138.257.388.562                 | 122.031.050.317                 |
| Chi phí nhân công                | 73.770.132.776                  | 57.106.000.385                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 12.545.607.789                  | 12.479.466.190                  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 13.409.030.842                  | 7.564.018.539                   |
| Chi phí khác                     | 42.833.236.765                  | 37.470.414.977                  |
|                                  | <u><b>280.815.396.734</b></u>   | <u><b>236.650.950.408</b></u>   |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                  | Từ 01/01/2014<br>đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013<br>đến 30/06/2013 |
|------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                  | VND                             | VND                             |
| Lãi tiền gửi     | 153.801.436                     | 145.658.826                     |
| Cổ tức được chia | 540.024.000                     | 575.421.488                     |
|                  | <b>693.825.436</b>              | <b>721.080.314</b>              |

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|   | Từ 01/01/2014<br>đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013<br>đến 30/06/2013 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
|   | VND                             | VND                             |
| Chi phí lãi vay                             | 1.802.965.648                   | 3.746.214.436                   |
| Chiết khấu thanh toán                       | 1.308.912.223                   | -                               |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện           | 7.670.713                       | 12.402.096                      |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện         | 343.249.495                     | 79.698.596                      |
| Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | (507.910.030)                   | (286.443.958)                   |
|   | <b>2.954.888.049</b>            | <b>3.551.871.170</b>            |

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|   | Từ 01/01/2014<br>đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013<br>đến 30/06/2013 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
|   | VND                             | VND                             |
| Lợi nhuận trước thuế  | 46.761.073.051                  | 45.685.342.380                  |
| Trừ:  |                                 |                                 |
| - Thu nhập không chịu thuế  | 925.351.939                     | 1.095.950.120                   |
| - Chi phí không được trừ năm trước nhưng được<br>trừ trong kỳ này | 187.171.125                     | 86.769.375                      |
| Cộng: Các khoản chi phí không được trừ                            | 3.982.604.573                   | 2.131.747.249                   |
| Thu nhập chịu thuế  | 49.631.154.560                  | 46.634.370.134                  |
| Thuế suất hiện hành   | 22%                             | 25%                             |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>               | <b>10.918.854.003</b>           | <b>11.658.592.534</b>           |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2013: 25%).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

|   | Từ 01/01/2014<br>đến 30/06/2014<br>VND | Từ 01/01/2013<br>đến 30/06/2013<br>VND |
|---|--|--|
| Lợi nhuận sau thuế                              | 35.768.566.698                         | 34.023.941.019                         |
| Trong đó:                                       |  |  |
| - Lỗ chia cho bên hợp tác liên doanh            | -                                      | (40.867.426)                           |
| - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông phổ thông      | 35.768.566.698                         | 34.064.808.445                         |
| Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành (cổ phiếu) | 12.822.274                             | 12.856.860                             |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b> | <b>2.790</b>                           | <b>2.650</b>                           |

**27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

|   | Từ 01/01/2014<br>đến 30/06/2014<br>VND | Từ 01/01/2013<br>đến 30/06/2013<br>VND |
|---|--|--|
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ | 1.378.986.360                          | 544.336.650                            |

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

|                                | 30/06/2014<br>VND     | 31/12/2013<br>VND    |
|--------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Trong vòng một năm             | 2.757.972.360         | 1.088.673.300        |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 11.031.889.440        | 4.354.693.200        |
| Sau năm năm                    | 4.136.958.360         | 2.177.346.600        |
|                                | <b>17.926.820.160</b> | <b>7.620.713.100</b> |

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả tiền thuê đất tối thiểu mà Công ty phải trả hàng năm cho lô đất tại 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đến cuối năm 2020.

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

|   | 30/06/2014             | 31/12/2013             |
|---|------------------------|------------------------|
|   | <u>VND</u>             | <u>VND</u>             |
| Các khoản vay                             | 52.715.574.980         | 71.390.862.623         |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền   | 23.011.172.534         | 27.816.134.180         |
| Nợ thuần                                  | 29.704.402.446         | 43.574.728.443         |
| Vốn chủ sở hữu                            | <u>390.878.808.063</u> | <u>362.453.171.365</u> |
| <b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b> | <b><u>7,60%</u></b>    | <b><u>12,02%</u></b>   |

**Các loại công cụ tài chính**

|                                      | <b>Giá trị ghi sổ</b>         |                              |
|--------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
|                                      | <u>30/06/2014</u>             | <u>31/12/2013</u>            |
|                                      | <u>VND</u>                    | <u>VND</u>                   |
| <b>Tài sản tài chính</b>             |                               |                              |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 23.011.172.534                | 27.816.134.180               |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 76.689.935.260                | 69.407.587.774               |
| Ký quỹ, ký cược                      | <u>394.519.315</u>            | <u>236.968.565</u>           |
| <b>Tổng</b>                          | <b><u>100.095.627.109</u></b> | <b><u>97.460.690.519</u></b> |

**Công nợ tài chính**

|                                     |                               |                               |
|-------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Vay ngắn hạn                        | 52.715.574.980                | 71.390.862.623                |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 34.419.885.325                | 49.008.462.907                |
| Chi phí phải trả                    | <u>15.828.670.368</u>         | <u>1.184.449.061</u>          |
| <b>Tổng</b>                         | <b><u>102.964.130.673</u></b> | <b><u>121.583.774.591</u></b> |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán vì Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa và giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất****Quản lý rủi ro tỷ giá***

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán như sau:

|                | Tài sản     |               | Công nợ        |               |
|----------------|-------------|---------------|----------------|---------------|
|                | 30/06/2014  | 31/12/2013    | 30/06/2014     | 31/12/2013    |
|                | VND         | VND           | VND            | VND           |
| Đô la Mỹ (USD) | 523.791.282 | 1.703.723.544 | 31.306.979.412 | 7.442.399.400 |

***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ***

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng với số tiền tương ứng là 1.539.159.407 đồng (năm 2013: 286.933.793 đồng)

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách mua dự trữ các nguyên liệu theo mùa vụ và các nguyên liệu chính.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

0-0  
 HẠN  
 3 T  
 NH  
 IT  
 NA  
 HO



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

|                                      | Dưới 1 năm<br>VND       | Từ 1- 5 năm<br>VND   | Tổng<br>VND             |
|--------------------------------------|-------------------------|----------------------|-------------------------|
| <b>Tại ngày 30/06/2014</b>           |                         |                      |                         |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 23.011.172.534          | -                    | 23.011.172.534          |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 76.689.935.260          | -                    | 76.689.935.260          |
| Ký quỹ, ký cược                      | 394.519.315             | -                    | 394.519.315             |
| <b>Tổng</b>                          | <b>100.095.627.109</b>  | <b>-</b>             | <b>100.095.627.109</b>  |
| <b>Tại ngày 30/06/2014</b>           |                         |                      |                         |
| Vay ngắn hạn                         | 52.715.574.980          | -                    | 52.715.574.980          |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | 34.249.885.325          | 170.000.000          | 34.419.885.325          |
| Chi phí phải trả                     | 15.828.670.368          | -                    | 15.828.670.368          |
| <b>Tổng</b>                          | <b>102.794.130.673</b>  | <b>170.000.000</b>   | <b>102.964.130.673</b>  |
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>  | <b>(2.698.503.564)</b>  | <b>170.000.000</b>   | <b>(2.868.503.564)</b>  |
| <b>Tại ngày 31/12/2013</b>           |                         |                      |                         |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 27.816.134.180          | -                    | 27.816.134.180          |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 69.407.587.774          | -                    | 69.407.587.774          |
| Ký quỹ, ký cược                      | 236.968.565             | -                    | 236.968.565             |
| <b>Tổng</b>                          | <b>97.460.690.519</b>   | <b>-</b>             | <b>97.460.690.519</b>   |
| <b>Tại ngày 31/12/2013</b>           |                         |                      |                         |
| Vay ngắn hạn                         | 71.390.862.623          | -                    | 71.390.862.623          |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | 48.875.862.907          | 132.600.000          | 49.008.462.907          |
| Chi phí phải trả                     | 1.184.449.061           | -                    | 1.184.449.061           |
| <b>Tổng</b>                          | <b>121.451.174.591</b>  | <b>132.600.000</b>   | <b>121.583.774.591</b>  |
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>  | <b>(23.990.484.072)</b> | <b>(132.600.000)</b> | <b>(24.123.084.072)</b> |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

|                      | Từ 01/01/2014<br>đến 30/06/2014<br>VND | Từ 01/01/2013<br>đến 30/06/2013<br>VND |
|----------------------|--|--|
| <b>OPC Bắc Giang</b> |  |  |
| Mua nguyên vật liệu  | 12.748.861.000                         | 21.806.289.200                         |
| Lợi nhuận được chia  | <u>410.694.627</u>                     | <u>152.063.758</u>                     |

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã chi trả trong kỳ như sau:

|  | Từ 01/01/2014<br>đến 30/06/2014<br>VND | Từ 01/01/2013<br>đến 30/06/2013<br>VND |
|--|--|--|
| Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác | <u>4.336.874.857</u>                   | <u>4.166.640.986</u>                   |

Số dư với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

|                           | 30/06/2014<br>VND    | 31/12/2013<br>VND    |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Phải trả người bán</b> |                      |                      |
| OPC Bắc Giang             | <u>1.028.921.250</u> | <u>8.041.513.644</u> |



Hồ Thị Hải Vân  
Người lập



Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 8 năm 2014